TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST Ngày 10-7-2018 V/v tranh chấp xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Mẫn.

-Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Phùng Văn Luân.

Bà: Phạm Thị Thế Băng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018; giữa:

Nguyên đơn: Chị **Khương Thị Đ**, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp HĐ, xã TH, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Ngô Thành S**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp HĐ1, xã TH1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Khương Thị Đ trình bày:

Chị và Ngô Thành S kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang vào ngày 11-3-2009. Sau khi kết hôn, chị và anh S chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, chị và anh S đã sống ly thân đã lâu. Nay chị xin ly hôn với anh Ngô Thành S.

Con chung: chị và anh S có 02 con chung tên Ngô Thị Kiều D, sinh ngày 25-11-2009 và Ngô Thành Ph, sinh ngày 19-10-2011. Hiện nay cháu D và cháu Ph đang sống với chị Đ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D và cháu Ph, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thoả thuận.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn Ngô Thành S: Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh S nhưng anh S không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ cho Toà án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:

Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ ly hôn với anh S, giao con chung Ngô Thị Kiều D, sinh ngày 25-11-2009 và Ngô Thành Ph, sinh ngày 19-10-2011 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Đ và anh S kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, anh S có hộ khẩu thường trú tại ấp HĐ1, xã TH1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên chị Đ khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp " Xin ly hôn".

[2] Tại phiên toà hôm nay, anh S không đến tham dự phiên toà, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh S trong quá trình chung sống không hạnh phúc, chị Đ và anh S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân đã lâu. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh S không đến tham dự và anh cũng không gửi ý kiến của anh cho Toà án về việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh S, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh S là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Con chung: Chị Đ và anh S có 02 con chung tên Ngô Thị Kiều D, sinh ngày 25-11-2009 và Ngô Thành Ph, sinh ngày 19-10-2011. Hiện nay cháu D và cháu Ph đang sống với chị Đ, theo nguyện vọng của cháu D được tiếp tục sống với chị Đ, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu D và cháu Ph, nghĩ nên chấp nhận giao cháu D và cháu Ph cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Đ chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chưa đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Đ yêu cầu tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử chưa đặt ra giải quyết.

[7] Nợ chung: không có.

[8] Về án phí: chị Điệp phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/201+6/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu ...án phí, lệ phí Tòa án .

*Về đề nghị của Viện kiểm sát: xét đề nghị của Kiểm sát viên là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm b Khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Cho chị Khương Thị Đ ly hôn với anh Ngô Thành S.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Ngô Thị Kiều D, sinh ngày 25-11-2009 và Ngô Thành Ph, sinh ngày 19-10-2011 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh S có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S chưa phải đóng góp nuôi con chung với chị Đ do chị Đ chưa yêu cầu.

4.Về tài sản chung: tự thoả thuận.

5.Về nợ chung: không có.

6.Về án phí: áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Khương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19045 ngày 08-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Đ đã thi hành xong án phí.

7. Quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Mẫn